

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/KDTM-ST

Ngày 04-10-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quân và ông Nguyễn Văn Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2020/TLST- KDTM ngày 06/7/2020 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-KDTM ngày 28/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N Trụ sở: Địa chỉ: Số x đường H, phường C, quận Đ, thành phố N; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tiết Văn T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc; Người được ủy quyền lại: Bà Bùi Thanh H - Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng kế hoạch kinh doanh, Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả Quảng Ninh (Theo Giấy ủy quyền số: 222UQ/NHNo.CP ngày 07/5/2020 của Ngân hàng N – Chi nhánh TP Cẩm Phả Quảng Ninh) – Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Quân T2 - Sinh năm: 19xx và chị Tô Thị Mai L- Sinh năm: 19xx; Cùng địa chỉ: Tổ xxx, khu xx, phường P1, thành phố P2, tỉnh N - Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng N bà Bùi Thanh H trình bày: Căn cứ vào nhu cầu vay vốn để kinh doanh dịch vụ cầm đồ của anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai Liên, ngày 10/03/2011, Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh đã

ký hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD để cho anh T2 và chị Lvay số tiền: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất tại thời điểm cấp tín dụng: 18%/năm, lãi suất quá hạn 27%; Lãi suất tại thời điểm hiện tại: 10%/năm, lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.

Anh Tạ Quân T2 cùng vợ là chị Tô Thị Mai Đã nhận đủ số tiền vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Tài sản thế chấp cho khoản vay này là: Quyền sử dụng đất 221m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà (03 tầng) tại tổ 121 (nay là tổ 110), khu 8B, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Giấy tờ về tài sản: Giấy CNQSD đất số AN024785 số vào sổ H1356 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 30/7/2008 mang tên anh Tạ Quân T2, chị Tô Thị Mai Liên, thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 01/TC ngày 05/3/2009 được UBND phường P1 chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cẩm Phả theo đúng quy định của pháp luật.

Qua kiểm tra thực tế tài sản tại tổ xxx (nay là tổ xxx), khu xx, phường P1, thành phố P2, tỉnh N hiện tại tài sản nguyên hiện, tài sản trên hiện tại do bà Lý Thị S mẹ đẻ của anh Tạ Quân T2 trông coi.

Từ sau khi vay vốn cho đến ngày 10/9/2011, anh T2 và chị Lmới trả được cho Ngân hàng N – Chi nhánh Thành phố Cẩm Phả Quảng Ninh số tiền là 152.375.000đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Trong đó: Trả gốc 0đ và trả lãi là 152.375.000 đồng, từ sau đó đến nay anh T2 và chị Lkhông trả được tiền cho Ngân hàng. Tính đến ngày 14/10/2020, anh T2 và chị Lcòn nợ Ngân hàng số tiền là: 3.788.156.250 đồng (Ba tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 11/9/2011 đến 14/10/2020 là: 2.288.156.250 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 1.571.062.500 đồng, lãi quá hạn là 717.093.750 đồng).

Toàn bộ số nợ trên đã quá hạn nhiều ngày, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ và tạo mọi điều kiện để anh T2 và chị Lthực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh T2 và chị Lđều không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình.

Như vậy, tại thời điểm hiện nay, anh T2 và chị Lđã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với chi nhánh Ngân hàng Ntheo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 10/3/2011, hợp đồng thế chấp và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với Ngân hàng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày như trên, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thu hồi vốn cho Nhà nước, Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết tranh chấp:

- Buộc anh Tạ Quân T2, chị Tô Thị Mai Lphải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố Cẩm Phả Quảng Ninh toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 14/10/2020 là: 3.788.156.250

đồng (Ba tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi: 2.288.156.250 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 1.571.062.500 đồng, lãi quá hạn là 717.093.750 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD, kể từ 15/10/2020 cho đến ngày thực tế anh T2 và chị L trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Nếu anh T2 và chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên, Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 01/TC ngày 05/03/2009 và/hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản vay như nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không thu đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án xử lý các tài sản khác của anh T2 và chị L để thu hồi nợ cho Ngân hàng N Chi nhánh thành phố Cẩm Phả Quảng Ninh.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai L nhiều lần nhưng anh T2 và chị L có tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh T2, chị L và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, không đưa các chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do đó anh T2 và chị L phải tự chịu hậu quả pháp lý cho việc không đưa ra chứng cứ chứng minh và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn Ngân hàng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh T2 và chị L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận thấy:

Căn cứ Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 318, 342 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Nhận thấy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai L phải cùng trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, nợ lãi và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 10/03/2011 và Hợp đồng thế chấp số 01/TC ngày 05/03/2009. Nếu anh anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai

Lkhông trả nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để trả toàn bộ nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N như nêu trên là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; người bị kiện anh T2 và chị L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; tài sản thế chấp của anh T2 và chị L là bất động sản tại phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại Điều 35 và điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Việc giao kết Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD giữa Ngân hàng N Chi nhánh thành phố Cẩm Phả Quảng Ninh với anh T2 và chị L ngày 10/03/2011 cùng với Hợp đồng thế chấp số 01/TC ngày 05/03/2009 để bảo đảm cho khoản vay của anh T2 và chị L với ngân hàng là do các bên tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các Tổ chức tín dụng và các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng N. Anh T2 và chị L đã nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng. Thời gian đầu sau khi vay, anh T2 và chị L đã thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 152.375.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Trong đó: Trả gốc 0 đồng và trả lãi là 152.375.000 đồng, kể từ ngày 11/9/2011 đến nay anh T2 và chị L đã không thanh toán được nợ theo thỏa thuận và phát sinh nợ quá hạn gốc, lãi. Ngân hàng đã đôn đốc, làm việc nhiều lần nhưng anh T2 và chị L không thực hiện việc trả nợ và không tự nguyện bàn giao, xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho anh T2 và chị Liên.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng N giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết để buộc anh T2 và chị L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 14/10/2020, là: 3.788.156.250 đồng (Ba tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi: 2.288.156.250 đồng (bao gồm lãi trong hạn là 1.571.062.500 đồng, lãi quá hạn là 717.093.750 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát

sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD, kể từ 14/10/2020 cho đến ngày thực tế anh T2 và chị L trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N – Chi nhánh TP Cẩm Phả Quảng Ninh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ngân hàng khởi kiện đối với anh T2 và chị Lyêu cầu Tòa án giải quyết buộc phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 09/03/2011 là đúng với thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 471, 474, 476, 318, 342 và 355 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của đại diện Ngân hàng N: Ngày 10/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp của bên thế chấp của anh T2 và chị L để đảm bảo khoản vay của anh chị là: Quyền sử dụng đất 221m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà (03 tầng) tại tổ 121(nay là tổ 110), khu 8B, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Giấy tờ về tài sản: Giấy CNQSD đất số AN024785 số vào sổ H1356 do UBND Thị xã Cẩm Phả (nay là Thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 30/7/2008 mang tên anh Tạ Quân T2, chị Tô Thị Mai Liên. Kết quả: Tài sản thế chấp này vẫn còn nguyên hiện trạng như khi thế chấp.

Bà Lý Thị S (mẹ đẻ của anh Tạ Quân T2) và anh Tạ Quân L (em ruột của anh T2) đều mặt khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, mặc dù từ chối ký vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ nhưng đều có ý kiến: Khoảng 3 năm nay, anh T2 và chị L đi làm ăn xa đã nhờ bà Sanh và anh Lợi trông coi, quản lý căn nhà và thửa đất cho bà Sanh và anh Lợi, từ đó anh T2 và chị L không về nhà, thỉnh thoảng có gọi điện cho bà Sanh nói nếu Ngân hàng xử lý tài sản thì cứ để Ngân hàng bán nhà để trả nợ.

Tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 09/03/2011 giữa anh T2, chị L và Ngân hàng cũng đã thỏa thuận: “Cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TC ngày 05/03/2009”. Do vậy, Hội đồng xét xử có xem xét: Việc ký kết Hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp số 01/TC ngày 05/03/2009 giữa Ngân hàng với anh T2 và chị L là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phú và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị được xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 10/3/2011, trong trường hợp vợ chồng anh T2, chị L không thanh toán được khoản nợ. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả của khoản vay này cho Ngân hàng.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại Ngân hàng N số tiền 52.881.563 đồng (Năm mươi hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng) tạm ứng án phí đã nộp ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Về phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tòa án đã chi phí hợp lý cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ hết số tiền này. Tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về việc nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn là anh T2 và chị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng đã được Tòa án chấp nhận, do đó cần buộc anh T2 và chị L có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho Ngân hàng N.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 318, 342 và 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai L.

3. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N một lần toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD Ngân hàng đã ký với anh T2 và chị L ngày 10/3/2011, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/10/2020) số tiền là: 3.788.156.250 đồng (Ba tỷ, bảy trăm tám mươi tám triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); Nợ lãi: 2.288.156.250 đồng (hai tỷ hai trăm tám mươi tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng, gồm: Lãi trong hạn là 1.571.062.500 đồng (một tỷ năm trăm

bảy mươi một triệu không trăm sáu hai nghìn năm trăm đồng, lãi quá hạn là 717.093.750 đồng (bảy trăm mười bảy triệu không trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2020), anh T2 và chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, theo Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD ký kết ngày 10/3/2011.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N cho vay thì lãi suất mà anh T2 và chị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N cho vay.

4. Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T2 và chị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số: 01/HĐTD ngày 10/3/2011 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số: 01/TC ngày 05/03/2009, để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất 221m² và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà (03 tầng) tại tổ xxx(nay là tổ xxx), khu xx, phường P1, thành phố P2, tỉnh N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN024785 số vào sổ H1356 do UBND Thị xã Cẩm Phả (nay là Thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 30/7/2008 mang tên anh Tạ Quân T2, chị Tô Thị Mai L.

Trường hợp số tiền phát mại/ thu hồi từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì anh T2 và chị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

5. Về án phí: Anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai L phải phải liên đới chịu 107.763.125 đồng (một trăm linh bảy triệu bảy trăm sáu ba nghìn một trăm hai năm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 52.881.563 đồng (Năm hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 00053xx ngày xx/xx/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

6. Về phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc anh Tạ Quân T2 và chị Tô Thị Mai L có nghĩa vụ hoàn trả cho Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền chi phí hợp lý cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, anh T2 và chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Quynh

